THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 490 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 (tên tiếng Anh là: One commune one product, gọi tắt là Chương trình OCOP) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của Chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện.

Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện; định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá, dịch vụ; quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các khâu: Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tín dụng.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa) để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí "Kinh tế và tổ chức sản xuất" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý (hạn chế dân di cư ra thành phố), bảo vệ môi trường và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP đồng bộ từ trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã);

- Ban hành Bộ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp hạng sản phẩm;

- Ban hành và áp dụng chính sách đồng bộ để thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP trên phạm vi cả nước;

- Tiêu chuẩn hóa ít nhất 50% số sản phẩm hiện có, tương ứng khoảng 2.400 sản phẩm; củng cố, hoàn thiện tổ chức sản xuất theo hướng liên kết giữa hộ sản xuất với hợp tác xã và doanh nghiệp;

- Triển khai thực hiện từ 8 - 10 mô hình Làng văn hóa du lịch;

- Triển khai xây dựng Trung tâm thiết kế sáng tạo phát triển sản phẩm OCOP gắn với quảng bá, giới thiệu sản phẩm ở những vùng có đủ điều kiện;

- Củng cố, kiện toàn 100% doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP;

- Phấn đấu phát triển mới khoảng 500 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP;

- Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP;

- Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh cho khoảng 1.200 cán bộ quản lý nhà nước (cấp trung ương, tỉnh, huyện) thực hiện Chương trình OCOP và 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP.

3. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thực hiện

a) Phạm vi thực hiện:

- Phạm vi không gian: Chương trình OCOP được triển khai ở toàn bộ khu vực nông thôn trong toàn quốc; khuyến khích các địa phương tùy vào điều kiện thực tiễn, triển khai phù hợp ở khu vực đô thị.

- Phạm vi thời gian: Chương trình OCOP được triển khai thực hiện từ năm 2018 đến năm 2020.

b) Đối tượng thực hiện:

- Sản phẩm: Gồm sản phẩm hàng hoá và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, miền, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, văn hóa, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

- Chủ thể thực hiện: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

c) Nguyên tắc thực hiện:

- Sản phẩm hướng tới tiêu chuẩn chất lượng quốc tế;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Nội dung

a) Triển khai thực hiện Chu trình OCOP tuần tự theo các bước:

- Tuyên truyền, hướng dẫn về OCOP;

- Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm;

- Nhận phương án, dự án sản xuất kinh doanh;

- Triển khai phương án, dự án sản xuất kinh doanh;

- Đánh giá và xếp hạng sản phẩm;

- Xúc tiến thương mại.

(*Phụ lục I*)

b) Phát triển sản phẩm, dịch vụ theo 06 nhóm, bao gồm:

- Thực phẩm, gồm: Nông sản tươi sống và nông sản chế biến.

- Đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

- Thảo dược, gồm: Các sản phẩm có thành phần từ cây dược liệu.

- Vải và may mặc, gồm: Các sản phẩm làm từ bông, sợi.

- Lưu niệm – nội thất – trang trí, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng.

- Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng, gồm: Các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, học tập, nghiên cứu,...

c) Hệ thống quản lý và giám sát sản phẩm, bao gồm:

- Đánh giá và xếp hạng sản phẩm, gồm 05 hạng sao:

Hạng 5 sao: Sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;

Hạng 4 sao: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể nâng cấp để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;

Hạng 3 sao: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 4 sao;

Hạng 2 sao: Sản phẩm chưa đạt đầy đủ tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 3 sao;

Hạng 1 sao: Sản phẩm yếu, có thể phát triển lên hạng 2 sao.

(Phụ lục II)

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia Chương trình OCOP.

- Công tác kiểm tra, giám sát.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực:

Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý triển khai thực hiện Chương trình OCOP từ trung ương đến cơ sở; lãnh đạo quản lý, lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã,... tham gia Chương trình OCOP.

Nội dung đào tạo, tập huấn: Kiến thức chuyên môn quản lý Chương trình OCOP; kiến thức chuyên môn quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh theo Khung đào tạo, tập huấn của Chương trình OCOP.

(Phụ lục III)

d) Công tác xúc tiến thương mại: Hoạt động quảng cáo, tiếp thị sản phẩm; hoạt động thương mại điện tử; tổ chức sự kiện quảng bá sản phẩm OCOP gắn liền với phát triển du lịch, hội chợ, triển lãm sản phẩm OCOP cấp tỉnh, vùng, quốc gia và quốc tế; xây dựng hệ thống Trung tâm thiết kế sáng tạo phát triển sản phẩm OCOP (Trung tâm OCOP) gắn với hỗ trợ khởi nghiệp và thiết kế mẫu mã sản phẩm OCOP, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP;

điểm giới thiệu và bán sản phẩm tại các khu du lịch, khu dân cư, tại các siêu thị, chợ truyền thống, trung tâm hành chính (cấp huyện, tỉnh, trung ương).

đ) Các dự án thành phần của Chương trình OCOP, bao gồm: Dự án phát triển thương hiệu sản phẩm Chương trình OCOP; Dự án mô hình mẫu làng/bản văn hóa du lịch; Dự án một số vùng sản xuất, dịch vụ nông thôn trọng điểm quốc gia (đại diện cho một số khu vực sinh thái - văn hóa có lợi thế trong cả nước); Dự án Trung tâm thiết kế sáng tạo phát triển sản phẩm OCOP gắn với giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP tại các vùng trọng điểm; các dự án thành phần (dự án số 2, 3, 4) thực hiện theo hình thức PPP, được triển khai khi cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Nguồn vốn và cơ cấu vốn huy động thực hiện Đề án

Tổng kinh phí thực hiện Đề án, dự kiến khoảng 45.000 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình OCOP chủ yếu là nguồn xã hội hóa từ: Vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tự huy động, vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tài trợ của các tổ chức quốc tế,...

- Ngoài ra, nguồn vốn ngân sách sẽ hỗ trợ một phần, bao gồm: Ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép khác của trung ương và địa phương.

6. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức:

Việc thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng từ trung ương đến cấp xã, thôn; qua các hội nghị triển khai, khởi động Chương trình OCOP, qua website của Chương trình OCOP, dưới dạng bản tin, chuyên đề, câu chuyện sản phẩm gắn với hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể...

b) Xây dựng hệ thống quản lý thực hiện Chương trình OCOP:

- Cấp trung ương:

+ Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Văn phòng Điều phối nông thôn mới trung ương.

+ Ở cấp trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng tư vấn Chương trình OCOP để hỗ trợ các địa phương đánh giá, xếp hạng sản phẩm; tư vấn xây dựng thương hiệu quốc gia sản phẩm OCOP; giám

sát chất lượng sản phẩm OCOP; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình OCOP.

- Cấp tỉnh:

+ Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh;

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

+ Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở cấp tỉnh và huyện tại mỗi kỳ đánh giá thường niên, do Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

- Cấp huyện:

+ Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện;

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

- Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

c) Về cơ chế, chính sách:

Các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia thực hiện Chương trình OCOP, được áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tùy điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ lãi suất tín dụng; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ; hỗ trợ đào tạo nhân lực (cho đội ngũ giám đốc, nhân viên kinh doanh, kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chủ hộ sản xuất có phương án kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

d) Về khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:

- Xây dựng và triển khai chính sách khoa học, công nghệ đối với sản phẩm OCOP theo hướng nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai, xây dựng tiêu chuẩn hóa sản phẩm;

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP. Các đề tài, dự án dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế (ưu tiên các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có địa chỉ ứng dụng cụ thể);

- Ưu tiên công tác phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm OCOP;

- Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

đ) Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP:

- Hệ thống tư vấn hỗ trợ, gồm: (i) Các cơ quan quản lý Chương trình các cấp, trọng tâm là cấp huyện; (ii) Các cá nhân, pháp nhân có kinh nghiệm và năng lực tư vấn toàn diện các hoạt động của Chương trình OCOP.

- Hệ thống đối tác của Chương trình OCOP, gồm: Các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi sản xuất, kinh doanh sản phẩm; các viện, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của Chương trình ở các tổ chức khoa học công nghệ cấp trung ương, vùng và địa phương; các hiệp hội chuyên ngành; các tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, các ngân hàng, các quỹ đầu tư, đài phát thanh, truyền hình ở trung ương, địa phương, các nhà báo.

e) Về huy động nguồn lực:

- Nguồn lực lớn nhất từ cộng đồng, do đó, có các phương pháp huy động nguồn lực từ cộng đồng như tiền vốn, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ,... được triển khai phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức kinh tế, dưới dạng góp vốn, triển khai các hoạt động theo Chu trình OCOP thường niên;

- Huy động nguồn lực tín dụng từ các tổ chức tín dụng hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP;

- Nhà nước bố trí nguồn vốn ngân sách phù hợp, kịp thời để hỗ trợ cộng đồng đầu tư sản xuất, tổ chức dịch vụ thực hiện Chương trình OCOP.

g) Về hợp tác quốc tế:

- Hợp tác với các quốc gia triển khai OVOP/OTOP/OCOP trên thế giới, nhằm chia sẻ kinh nghiệm và đưa sản phẩm OCOP xuất khẩu và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế;

- Tổ chức các chuyến tham quan học tập Chương trình OCOP tại các quốc gia thích hợp (ưu tiên thành phần tham gia là đội ngũ cán bộ nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, điều hành, cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã trong Chương trình OCOP);

- Tổ chức các diễn đàn OCOP quốc tế 1 - 2 năm/lần nhằm nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình OCOP và huy động các nguồn lực quốc tế tham gia Chương trình OCOP.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình OCOP theo giai đoạn và hàng năm;

b) Chỉ đạo và hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, triển khai Chương trình OCOP ở địa phương; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình OCOP ở các tỉnh, thành phố;

c) Chủ trì tổng hợp và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP của các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong kế hoạch chung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình OCOP trong phương án phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; tổ chức các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm gắn với tổ chức hội chợ toàn quốc; huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP; xây dựng giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cho Chương trình OCOP; xây dựng và triển khai một số dự án thành phần của Chương trình OCOP;

e) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan lựa chọn 10 tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng kinh tế để chỉ đạo điểm thực hiện Chương trình OCOP;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị có liên quan đánh giá, tổng kết thực hiện Đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2018 - 2020, báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án Chương trình OCOP cho giai đoạn tiếp theo.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Thẩm định và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình OCOP theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào kế hoạch hằng năm, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, đảm bảo bố trí kinh phí chi sự nghiệp để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

4. Bộ Công Thương:

a) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình thiết kế sản phẩm; thực hiện có hiệu quả hoạt động khuyến công, công tác xúc tiến thương mại sản phẩm thuộc Chương trình OCOP;

b) Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình thiết kế sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP. Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP;

b) Hỗ trợ các địa phương và các tổ chức kinh tế phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm OCOP, tư vấn định hướng phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP;

c) Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

6. Bộ Y tế:

a) Chỉ đạo các cơ quan trong ngành hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất thực hiện các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu phát triển, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá tác dụng của các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu,...

b) Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

7. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Hỗ trợ các tổ chức kinh tế, nhóm cộng đồng nghiên cứu phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn trên cơ sở

phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của các vùng, miền; hỗ trợ các địa phương phát triển các Làng Văn hóa du lịch;

b) Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

8. Bộ Giao thông vận tải:

Điều tiết, kết nối hệ thống vận chuyển hàng trong nước và quốc tế cho Chương trình OCOP, phối hợp triển khai công tác xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP trên các tuyến vận tải hàng không, đường bộ và đường thuỷ.

9. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình tăng chuyên mục, thời lượng tuyên truyền về Chương trình OCOP; thường xuyên đăng tải các tin, bài, nêu gương tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình OCOP;

b) Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

10. Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ của Đề án gắn với lĩnh vực phụ trách của ngành.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất.

12. Đề nghị cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Căn cứ nội dung Chương trình OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tùy điều kiện, đặc điểm cụ thể, chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP cấp tỉnh theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương và phát triển du lịch dịch vụ ở nông thôn;

b) Bố trí nguồn lực cần thiết, sử dụng lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn khuyến công, ngân sách địa phương, vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP;

c) Phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành; phân công cơ quan thường trực tham mưu, giúp việc triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn;

d) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh hợp tác xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục: KTTH, KGVX, TCCV, QHĐP, TH, PL, NC, CN, KSTT, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 185

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vương Đình Huệ

Phụ lục I

CHU TRÌNH OCOP

(Ban hành kèm theo Quyết định số.....490...../QĐ-TTg ngày...01... tháng...5... năm...2018.. của Thủ tướng Chính phủ)

Chu trình OCOP được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân thụ hưởng" (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp).

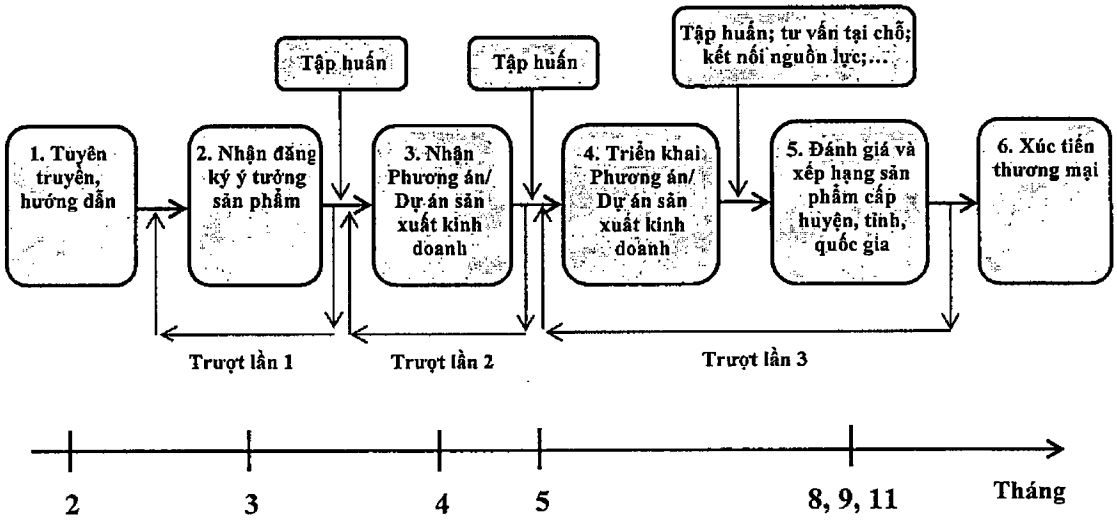

Chu trình triển khai OCOP hằng năm

Các bước triển khai Chu trình cụ thể gồm: (1) Tuyên truyền, hướng dẫn về OCOP; (2) Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm; (3) Nhận phương án, dự án sản xuất kinh doanh; (4) Triển khai phương án, dự án sản xuất kinh doanh; (5) Đánh giá và xếp hạng sản phẩm; (6) Xúc tiến thương mại.

Phụ lục II

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Quyết định số....490..../QĐ-TTg ngày..01..tháng..5..năm ..2018. của Thủ tướng Chính phủ)

Toàn bộ các sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP đều phải được đánh giá và xếp hạng, dựa trên Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm.

1. Mục đích của Bộ Tiêu chí

- Bảo đảm phát triển sản phẩm theo các yêu cầu của Chương trình OCOP và bảo đảm chất lượng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình.

- Cung cấp thông tin cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất về các tiêu chuẩn cần đạt, từ đó so sánh với hiện trạng sản phẩm để triển khai tổ chức sản xuất.

- Làm cơ sở để các cán bộ OCOP cấp huyện, tỉnh tư vấn và hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất trong xây dựng bộ máy tổ chức sản xuất - kinh doanh, phát triển sản xuất và sản phẩm theo tiêu chuẩn.

2. Nội dung Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm

Các sản phẩm được đánh giá và xếp hạng theo Bộ tiêu chí dựa trên Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội thông qua năm 2007; các bộ Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng với từng nhóm sản phẩm theo bộ tiêu chí của Chương trình OCOP. Nội dung của Bộ Tiêu chí gồm 3 phần:

- Phần A: Các tiêu chí đánh giá sản phẩm và sức mạnh cộng đồng (35 điểm), gồm: 1) Tổ chức sản xuất; 2) Phát triển sản phẩm; 3) Sức mạnh cộng đồng.

- Phần B: Các tiêu chí đánh giá khả năng tiếp thị sản phẩm (25 điểm), gồm: 1) Tiếp thị; 2) Câu chuyện về sản phẩm.

- Phần C: Các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm (40 điểm), gồm: 1) Kiểm tra/phân tích tiêu chuẩn theo yêu cầu của loại sản phẩm; 2) Cơ hội tham gia thị trường toàn cầu.

3. Xếp hạng sản phẩm OCOP

Sau khi đánh giá, các sản phẩm OCOP được xếp hạng như sau:

- Hạng 5 sao: 90 - 100 điểm: Sản phẩm chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế; Hạng 4 sao: 70 - 89 điểm: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể nâng cấp để đạt tiêu chuẩn quốc tế; Hạng 3 sao: 50 - 69 điểm: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 4 sao; Hạng 2 sao: 30 - 49 điểm: Sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 3 sao; Hạng 1 sao: Dưới 30 điểm: Sản phẩm yếu, có thể phát triển lên hạng 2 sao.

4. Đánh giá công nhận và xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP

Sản phẩm thuộc Chương trình OCOP được đánh giá tại cấp huyện. Cấp tỉnh và trung ương thực hiện nhiệm vụ công nhận và xếp hạng sản phẩm. Thời gian xét, đánh giá và xếp hạng sản phẩm được tổ chức hàng năm theo Chu trình OCOP:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm. Hội đồng đánh giá sản phẩm tổ chức họp đánh giá sản phẩm theo Bộ Tiêu chí đánh giá xếp hạng sản phẩm của Chương trình OCOP. Lập danh sách sản phẩm (kèm theo hồ sơ) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận và xếp hạng.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm. Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm tổ chức họp thẩm định sản phẩm theo Bộ Tiêu chí đánh giá xếp hạng sản phẩm, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cấp Giấy công nhận và xếp hạng sản phẩm. Lựa chọn sản phẩm được cấp giấy công nhận và xếp hạng sản phẩm của tỉnh tham dự đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp trung ương.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp cùng Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành lập Hội đồng tư vấn Chương trình OCOP, tổ chức đánh giá và xếp hạng sản phẩm; ban hành quyết định cấp bằng công nhận và xếp hạng sản phẩm cấp quốc gia.

Phụ lục III

KHUNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH OCOP

(Ban hành kèm theo Quyết định số..490...../QĐ-TTg ngày 07 tháng....5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần 1
Khung đào tạo cán bộ quản lý Chương trình OCOP

TT	Nội dung	Thời lượng (tiết)
A	**Phần lý thuyết**	
I	**Chương trình OCOP**	
1	Tổng quan về chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam. Nông nghiệp 4.0	4
2	Chiến lược phát triển dược liệu Việt Nam	2
3	Phát triển kinh tế tư nhân (doanh nghiệp nông nghiệp) và Hợp tác xã. Lý thuyết chung về doanh nghiệp, kinh doanh	2
4	Liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, dịch vụ du lịch nông thôn	2
5	Làng văn hóa du lịch	2
6	Các vấn đề tồn tại, xu hướng phát triển trong phát triển kinh tế vùng nông thôn và giải pháp	2
7	Các khái niệm cơ bản (cộng đồng và phát triển cộng đồng, sản phẩm và sản phẩm OCOP, tổ chức kinh tế OCOP)	2
8	Mục tiêu và nội dung cơ bản của OCOP	1
9	Hệ thống tổ chức OCOP và nhân sự (cơ cấu tổ chức, mô tả công việc và KPIs)	3
10	Chu trình OCOP và các mẫu biểu	2
11	Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm	2

TT	Nội dung	Thời lượng (tiết)
II	**Hình thành doanh nghiệp/hợp tác xã**	
1	Hình thành một doanh nghiệp/hợp tác xã tại cộng đồng	
a	Khái niệm doanh nghiệp (Luật doanh nghiệp), hợp tác xã (Luật hợp tác xã)	4
b	Quy trình thành lập một doanh nghiệp/hợp tác xã	4
2	Khái niệm vốn, các loại vốn, các phương pháp huy động vốn.	2
3	Các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh	2
4	Tái cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã	2
III	**Quản trị sản xuất và kinh doanh**	
1	Phân tích kinh doanh: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, xác định các yếu tố ảnh hưởng, xác định các giải pháp, xây dựng phương án kinh doanh	2
2	Quản trị sản xuất và chất lượng	4
3	Quản trị phân phối và tiếp thị	4
4	Phân tích tài chính	4
5	Quản trị nghiên cứu và phát triển sản phẩm	4
IV	**Một số kỹ năng hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã**	
1	Phương pháp luận cơ bản: Chu trình nghiên cứu hành động có sự tham gia của cộng đồng	4
2	Các kỹ năng cơ bản (thu thập và phân tích thông tin, nghe và thuyết trình)	4
B	**Phần thực hành**	
	Làm bài tập phân tích tình huống	8
C	**Đánh giá**	1

Phần 2
Khung đào tạo quản trị sản xuất - kinh doanh cho các nhà quản lý tổ chức kinh tế (CEO), hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP

TT	Nội dung	Thời lượng (tiết)
A	**Phần lý thuyết**	
I	**Hình thành doanh nghiệp/hợp tác xã**	
1	Cộng đồng và phát triển cộng đồng	2
2	Lý thuyết chung về kinh doanh, doanh nghiệp	2
3	Hình thành một doanh nghiệp/hợp tác xã tại cộng đồng:	
a	Các vấn đề tồn tại, xu hướng phát triển trong phát triển kinh tế vùng nông thôn và giải pháp	4
b	Khái niệm doanh nghiệp (Luật doanh nghiệp), hợp tác xã (Luật hợp tác xã)	4
c	Thu thập thông tin, phân tích SWOT, xác định tầm nhìn, mục tiêu, các chiến lược, phân tích tài chính (nhu cầu vốn, hòa vốn, hoàn vốn, dòng tiền), xây dựng kế hoạch kinh doanh	12
4	Khái niệm vốn, các loại vốn, các phương pháp huy động vốn.	4
5	Các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh	4
II	**Quản trị sản xuất và kinh doanh**	
1	Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, xác định các yếu tố ảnh hưởng, xác định các giải pháp, xây dựng phương án kinh doanh	4
2	Phân phối và tiếp thị	4
3	Quản trị sản xuất	4
4	Quản trị chất lượng	4
5	Quản trị nhân lực	4

TT	Nội dung	Thời lượng (tiết)
6	Cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh	4
7	Phân tích tài chính	4
III	**Sản phẩm và phát triển sản phẩm**	
1	Khái niệm, phân loại, các yếu tố cấu thành, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn sản phẩm	4
2	Chu trình nghiên cứu phát triển sản phẩm, các đầu cơ quan/tổ chức cần liên hệ	4
3	Tổ chức cuộc họp, thuyết trình, quản trị thời gian, quản trị rủi ro, giải quyết xung đột, đàm phán, giao tiếp, giao việc, tìm kiếm các nguồn lực…	8
B	**Phần thực hành**	
	Làm bài tập theo chuyên đề và tình huống của hợp tác xã/doanh nghiệp của mình (có tư vấn)	16
C	**Đánh giá**	**4**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 494 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban chỉ đạo Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa";

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa" (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) gồm các thành viên sau đây:

1.Trưởng Ban chỉ đạo: Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam.

2. Các Phó Trưởng Ban chỉ đạo:

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh;

- Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) Nguyễn Mạnh Hùng;

- Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Lê Quốc Phong.

3. Các Ủy viên Ban chỉ đạo:

- Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ;

- Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền Thông;

- Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Lãnh đạo Bộ Y tế;

- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Lãnh đạo Bộ Tư pháp;

- Lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam;

- Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

- Lãnh đạo Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt danh sách các Ủy viên Ban Chỉ đạo theo văn bản cử người của các bộ, cơ quan.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo

1. Ban chỉ đạo có chức năng tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa".

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo :

- Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc hoạt động triển khai thực hiện Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa" trên phạm vi toàn quốc, các ngành, các lĩnh vực, theo khu vực và vùng miền.

- Nghiên cứu, đề ra chủ trương, giải pháp huy động các nguồn lực, tập hợp lực lượng, đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia xây dựng Hệ tri thức Việt số hóa; chỉ đạo việc tổ chức các cuộc thi, các đợt phát động, các hoạt động vinh danh cá nhân, tổ chức và cộng đồng. Từng bước đẩy mạnh các hoạt động này thành phong trào toàn dân.

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Hệ tri thức Việt số hóa trong sự nghiệp xây dựng, phát triển các ngành, lĩnh vực trong bối cảnh cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4.

Điều 3. Hoạt động của Ban chỉ đạo

1. Các thành viên của Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Trưởng Ban chỉ đạo phân công. Trong trường hợp có sự thay đổi đại diện lãnh đạo tham gia Ban chỉ đạo, cơ quan liên quan có văn bản báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo để bổ sung, điều chỉnh.

2. Trưởng Ban chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa".

3. Trưởng Ban chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban chỉ đạo và các ủy viên Ban chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan mình công tác.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các thành viên Ban chỉ đạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, TCCV, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (3b).Tu150

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc